

Pháp lệnh số: /2023/UBTVQH15

**Dự thảo 2**

**PHÁP LỆNH  
CHI PHÍ TỔ TỤNG**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;  
Căn cứ Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13;  
Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung  
một số điều theo Luật số 12/2017/QH14;  
Căn cứ Luật Tố tụng hành chính số 93/2015/QH13;  
Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh Chi phí tố tụng.*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Pháp lệnh này quy định về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định, chi phí định giá tài sản, chi phí cho người làm chứng, chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật, chi phí cho Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý, Bào chữa viên nhân dân, chi phí cho người chứng kiến, chi phí cho Hội thẩm nhân dân và chi phí tố tụng khác (sau đây gọi chung là chi phí tố tụng) theo quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Pháp lệnh về trình tự, thủ tục Tòa án nhân dân xem xét, quyết định việc đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và Pháp lệnh về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân.

**Điều 2. Chi phí tố tụng**

1. Chi phí tố tụng trong Pháp lệnh này bao gồm:

- a) Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài;
- b) Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ;
- c) Chi phí giám định;
- d) Chi phí định giá tài sản;
- đ) Chi phí cho người làm chứng;
- e) Chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật;
- g) Chi phí cho Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý, Bào chữa viên nhân dân;

- h) Chi phí cho người chứng kiến;
- i) Chi phí cho Hội thẩm nhân dân;
- k) Chi phí sao chụp tài liệu;
- l) Chi phí cho người đại diện do Tòa án chỉ định;
- m) Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng;
- n) Chi phí tổng đạt ra nước ngoài văn bản tố tụng của Tòa án Việt Nam đối với yêu cầu công nhận và cho thi hành hoặc không công nhận tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài; công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài;
- o) Chi phí khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi phí tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều này là số tiền cần thiết và hợp lý phải chi trả cho việc thực hiện các hoạt động tố tụng theo quy định của pháp luật do cơ quan có thẩm quyền xác định căn cứ vào quy định của Pháp lệnh này và của pháp luật có liên quan.

### **Điều 3. Nguyên tắc thu, chi tiền chi phí tố tụng**

Các chi phí tố tụng phải được thu, nộp, quản lý, sử dụng theo quy định của Pháp lệnh này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

### **Điều 4. Miễn, giảm và nguyên tắc miễn, giảm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; chi phí giám định trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính**

Việc miễn, giảm tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định quy định tại Điều 5 và Điều 6 của Pháp lệnh này áp dụng đối với người có yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ, người có yêu cầu giám định, được cơ quan tiến hành tố tụng chấp nhận và chỉ miễn, giảm đối với việc giám định do tổ chức giám định công lập thực hiện, các hoạt động có sử dụng dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp.

### **Điều 5. Miễn tiền tạm ứng chi phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; tiền tạm ứng chi phí, chi phí giám định trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính**

1. Trẻ em; cá nhân thuộc hộ nghèo, cận nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng; đồng bào dân tộc thiểu số ở các thôn, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; thân nhân liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ được miễn tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định.

2. Trường hợp các đương sự thỏa thuận một bên chịu toàn bộ hoặc một phần chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định phải nộp mà bên chịu toàn bộ hoặc một phần chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định phải nộp thuộc trường hợp được miễn nộp thì Tòa án chỉ xem xét miễn đối với phần

mà người thuộc trường hợp được miễn phải chịu theo quy định của Pháp lệnh này. Phần chi phí tố tụng mà người đó nhận nộp thay người khác thì không được miễn nộp.

**Điều 6. Giảm tiền tạm ứng chi phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; tiền tạm ứng chi phí, chi phí giám định trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính**

1. Người gặp sự kiện bất khả kháng dẫn đến không có đủ tài sản để nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú thì được giảm tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định.

2. Người thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này vẫn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Có căn cứ chứng minh người được giảm tiền tạm ứng chi phí tố tụng không phải là người gặp sự kiện bất khả kháng dẫn đến không có tài sản để nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định;

b) Theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án thì họ có tài sản để nộp toàn bộ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định mà họ phải chịu.

3. Trường hợp các đương sự thỏa thuận một bên chịu toàn bộ hoặc một phần số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định phải nộp mà bên chịu toàn bộ hoặc một phần số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định phải nộp thuộc trường hợp được giảm thì Tòa án chỉ giảm đối với phần chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định mà người thuộc trường hợp được giảm phải chịu theo quy định của Pháp lệnh này. Phần chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định mà người đó nhận nộp thay người khác thì không được giảm.

**Điều 7. Thủ tục đề nghị miễn, giảm tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; tiền tạm ứng chi phí giám định trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính**

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, tiền tạm ứng chi phí giám định, người có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, tiền tạm ứng chi phí giám định là người thuộc đối tượng được miễn, giảm quy định tại Điều 5, Điều 6 của Pháp lệnh này phải có đơn đề nghị gửi Tòa án kèm theo các tài liệu, chứng cứ chứng minh thuộc trường hợp được miễn, giảm.

2. Đơn đề nghị miễn, giảm tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, tiền tạm ứng chi phí giám định phải có các nội dung chính sau đây:

a) Ngày, tháng, năm làm đơn;

- b) Họ, tên, địa chỉ của người làm đơn;
- c) Đối tượng xem xét, thẩm định; đối tượng trung cầu giám định;
- d) Lý do, căn cứ đề nghị miễn, giảm.

**Điều 8. Thẩm quyền quyết định miễn, giảm tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; tiền tạm ứng chi phí giám định trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính**

1. Đối với vụ án dân sự, vụ án hành chính, thẩm quyền quyết định miễn, giảm tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, tiền tạm ứng chi phí giám định như sau:

a) Trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án có thẩm quyền xét đơn đề nghị và quyết định việc miễn, giảm tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, tiền tạm ứng chi phí giám định trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị. Trường hợp chấp nhận đề nghị miễn, giảm của đương sự thì trong quyết định phải nêu rõ số tiền được miễn, giảm. Trường hợp không chấp nhận thì trong quyết định phải nêu rõ lý do. Quyết định này phải được gửi cho người đề nghị; đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ phục vụ xem xét, thẩm định tại chỗ; tổ chức, cá nhân thực hiện giám định biết trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định;

b) Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có thẩm quyền xét đơn đề nghị và quyết định việc miễn, giảm tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, tiền tạm ứng chi phí giám định. Trường hợp chấp nhận đề nghị miễn, giảm của đương sự thì trong quyết định phải nêu rõ số tiền được miễn, giảm. Trường hợp không chấp nhận thì trong quyết định phải nêu rõ lý do. Quyết định của Hội đồng xét xử được công bố tại phiên tòa và được gửi cho người đề nghị; đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ phục vụ xem xét, thẩm định tại chỗ; tổ chức, cá nhân thực hiện giám định biết trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định.

2. Đối với việc dân sự, Thẩm phán được phân công giải quyết có thẩm quyền xét đơn đề nghị và quyết định việc miễn, giảm tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, tiền tạm ứng chi phí giám định trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị. Trường hợp chấp nhận đề nghị miễn, giảm của đương sự thì trong quyết định phải nêu rõ số tiền được miễn, giảm. Trường hợp không chấp nhận thì trong quyết định phải nêu rõ lý do. Quyết định này phải được gửi cho người đề nghị; đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ phục vụ xem xét, thẩm định tại chỗ; tổ chức, cá nhân thực hiện giám định biết trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định.

**Điều 9. Thủ tục đề nghị miễn, giảm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; chi phí giám định trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính**

1. Người có nghĩa vụ nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; chi phí giám định thuộc đối tượng được miễn, giảm quy định tại Điều 5, Điều 6 của Pháp lệnh này phải có đơn đề nghị gửi Tòa án kèm theo các tài liệu, chứng cứ chứng minh thuộc trường hợp được miễn, giảm.

2. Đơn đề nghị miễn, giảm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; chi phí giám định phải có các nội dung chính quy định tại khoản 2 Điều 7 của Pháp lệnh này.

**Điều 10. Thẩm quyền quyết định miễn, giảm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; chi phí giám định trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính**

1. Thẩm quyền quyết định miễn, giảm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; chi phí giám định được thực hiện như sau:

a) Trường hợp vụ án được giải quyết mà không phải mở phiên tòa thì Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án có thẩm quyền quyết định miễn, giảm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định;

b) Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có thẩm quyền quyết định miễn, giảm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định;

c) Đối với việc dân sự, Thẩm phán được phân công giải quyết việc dân sự có thẩm quyền quyết định miễn, giảm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định.

2. Việc miễn, giảm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định phải được ghi trong bản án, quyết định của Tòa án.

**Điều 11. Thủ tục quyết định miễn, giảm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; chi phí giám định trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính**

1. Người được quy định tại Điều 10 của Pháp lệnh này có thẩm quyền xét đơn đề nghị và quyết định việc miễn, giảm hoặc không miễn, giảm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; chi phí giám định.

2. Trường hợp chấp nhận đề nghị miễn, giảm thì trong quyết định phải nêu rõ số tiền được miễn, giảm; trường hợp không chấp nhận thì trong quyết định phải nêu rõ lý do.

3. Quyết định miễn, giảm hoặc không miễn, giảm phải được gửi cho đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ phục vụ xem xét, thẩm định tại chỗ; tổ chức, cá nhân thực hiện giám định và người có đơn đề nghị trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định.

**Điều 12. Mức giảm tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính**

Mức tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định được giảm không được vượt quá 50% tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định mà người đó phải nộp.

**Điều 13. Giải quyết khiếu nại về chi phí tố tụng**

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại đến Chánh án Tòa án trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án về nộp

tiền tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định, chi phí định giá tài sản, chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch, người dịch thuật, chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và việc miễn, giảm tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định.

Chánh án Tòa án phải xem xét giải quyết khiếu nại trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại. Quyết định của Chánh án Tòa án là quyết định cuối cùng.

2. Khiếu nại về nghĩa vụ nộp chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định, định giá, chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch, người dịch thuật, chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và mức chi phí trong bản án, quyết định của Tòa án được giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng.

## **Chương II**

### **CHI PHÍ ỦY THÁC TƯ PHÁP RA NƯỚC NGOÀI**

#### **Mục 1**

### **CHI PHÍ ỦY THÁC TƯ PHÁP RA NƯỚC NGOÀI TRONG TỔ TỤNG DÂN SỰ, TỔ TỤNG HÀNH CHÍNH THEO PHÁP LUẬT TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP**

#### **Điều 14. Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài**

Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài là số tiền cần thiết và hợp lý phải chi trả cho việc thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam và của nước được yêu cầu ủy thác tư pháp.

#### **Điều 15. Quản lý, sử dụng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài<sup>[C1]</sup>**

1. Cá nhân, tổ chức có yêu cầu giải quyết vụ việc dân sự, vụ án hành chính mà làm phát sinh yêu cầu ủy thác tư pháp ra nước ngoài phải nộp chi phí thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam và của nước được yêu cầu ủy thác tư pháp.

2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ ủy thác tư pháp về dân sự, hành chính ra nước ngoài có trách nhiệm thu chi phí phát sinh trong nước và thông báo cho cá nhân, tổ chức có yêu cầu nêu tại khoản 1 Điều này các chi phí theo yêu cầu của nước ngoài để thực hiện trước khi gửi hồ sơ ra nước ngoài. Trong trường hợp phát sinh chi phí thực tế trong nước, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thực hiện việc tạm thu một khoản chi phí để thanh toán theo hóa đơn, chứng từ thực tế theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc gia liên quan.

#### **Điều 16. Nghĩa vụ nộp tạm ứng, nghĩa vụ chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài<sup>[C2]</sup>**

1. Đương sự quy định tại Điều 152 và Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 353 và Điều 354 của Luật Tố tụng hành chính có nghĩa vụ nộp tạm ứng, chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài đối với các yêu cầu tổng đạt văn bản

tổ tụng, thu thập chứng cứ để giải quyết vụ việc dân sự và tổng đạt quyết định kháng nghị, quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Nhà nước bảo đảm kinh phí để Tòa án thực hiện yêu cầu ủy thác tư pháp ra nước ngoài để tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án Việt Nam trong trường hợp đương sự ở nước ngoài không có người đại diện hợp pháp tại Việt Nam, không có chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam hoặc đương sự này không ủy quyền cho người đại diện hợp pháp tại Việt Nam, chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam nhận văn bản tố tụng. Khi Tòa án ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc thì phải quyết định việc đương sự chịu chi phí này để hoàn trả cho ngân sách Nhà nước.

#### **Điều 17. Xác định chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài**<sup>[C3]</sup>

1. Chi phí thực hiện ủy thác tư pháp ra nước ngoài bao gồm lệ phí và chi phí thực tế phát sinh khi thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc gia liên quan.

2. Căn cứ nội dung yêu cầu ủy thác tư pháp cụ thể, chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp ra nước ngoài bao gồm một hoặc một số chi phí sau đây:

a) Chi phí dịch thuật, công chứng, chứng thực hồ sơ ủy thác tư pháp;

b) Chi phí tổng đạt hồ sơ ủy thác tư pháp ở nước ngoài;

c) Chi phí thu thập, cung cấp chứng cứ ở nước ngoài;

d) Chi phí khác (nếu có) theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật của quốc gia liên quan.

3. Lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài được thực hiện theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Điều 18. Thu, nộp chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp ra nước ngoài**<sup>[C4]</sup>

Việc thu, nộp chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp ra nước ngoài<sup>[C5]</sup> được thực hiện theo pháp luật tương trợ tư pháp.

### **Mục 2**

## **CHI PHÍ TỔNG ĐẠT, THÔNG BÁO VĂN BẢN TỐ TỤNG CỦA TÒA ÁN CHO ĐƯƠNG SỰ Ở NƯỚC NGOÀI TRONG TỐ TỤNG DÂN SỰ, TỐ TỤNG HÀNH CHÍNH THÔNG QUA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI**

#### **Điều 19. Xác định chi phí tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng**<sup>[C6]</sup>

Chi phí tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng thông qua Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài bao gồm tiền cước bưu chính ở trong nước, tiền cước bưu chính ở nước ngoài, tiền dịch văn bản tố tụng

và chứng thực chữ ký người dịch.

**Điều 20. Nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng, chịu chi phí tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng<sup>[c7]</sup>**

Nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng, chịu chi phí tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng được xác định theo quy định tại Điều 152, Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 353, Điều 354 của Luật Tố tụng hành chính.

**Điều 21. Trình tự, thủ tục thu, nộp chi phí tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng**

1. Đương sự nộp tiền tạm ứng chi phí tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho Tòa án<sup>[c8]</sup>.

2. Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thực hiện các yêu cầu tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án bằng kinh phí ngân sách Nhà nước. Sau khi thực hiện xong, cơ quan đại diện gửi cho Tòa án hóa đơn thực tế thanh toán chi phí bưu chính gửi hồ sơ tổng đạt của Tòa án cho đương sự ở nước sở tại. Căn cứ hóa đơn đó, Tòa án yêu cầu đương sự nộp chi phí vào ngân sách nhà nước sau khi đã đối trừ số tiền tạm ứng chi phí mà đương sự đã nộp.

3. Tòa án nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.

### Mục 3

## CHI PHÍ ỦY THÁC TƯ PHÁP RA NƯỚC NGOÀI TRONG TỐ TỤNG HÌNH SỰ THEO PHÁP LUẬT TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP

**Điều 22. Chi phí thực hiện ủy thác tư pháp ra nước ngoài về hình sự**

Căn cứ nội dung yêu cầu ủy thác tư pháp cụ thể, cơ quan có thẩm quyền thực hiện ủy thác tư pháp ra nước ngoài về hình sự được chi trả một số chi phí sau đây:

1. Chi phí xử lý hồ sơ ủy thác tư pháp;
2. Chi phí dịch tài liệu;
3. Chi phí triệu tập người làm chứng, người giám định;
4. Chi phí tổng đạt hồ sơ ủy thác tư pháp ở nước ngoài;
5. Chi phí chuyển phát tài liệu, hồ sơ tương trợ tư pháp ra nước ngoài;
6. Chi phí thu thập, cung cấp chứng cứ ở nước ngoài;
7. Chi phí khác theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật của quốc gia liên quan.

**Điều 23. Nghĩa vụ chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài về hình sự<sup>[c9]</sup>**

1. Nhà nước bảo đảm chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài về hình sự.
2. Trường hợp giữa Việt Nam và nước ngoài cùng là thành viên của điều ước quốc tế thì chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài về hình sự được thực hiện theo điều ước quốc tế đó.

3. Trường hợp Việt Nam và nước ngoài chưa cùng là thành viên của điều ước quốc tế thì việc chi trả chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài về hình sự được thực hiện trên cơ sở nguyên tắc có đi có lại.

### **Chương III**

#### **CHI PHÍ XEM XÉT, THẨM ĐỊNH TẠI CHỖ**

##### **Điều 24. Xác định chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ**

1. Căn cứ vào tính chất của đối tượng xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ bao gồm một hoặc một số chi phí sau đây:

a) Chi phí tiền lương, thù lao cho người tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ;

b) Chi phí sử dụng dịch vụ;

c) Chi phí đi lại;

d) Chi phí lưu trú;

đ) Chi phí khác theo quy định của pháp luật.

2. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.

##### **Điều 25. Người có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ**

Người có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ được xác định theo quy định tại Điều 156 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 357 của Luật Tố tụng hành chính, trừ trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ quy định tại Điều 5 của Pháp lệnh này.

##### **Điều 26. Nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ**

1. Nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ được xác định theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 358 của Luật Tố tụng hành chính.

2. Nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận.

3. Nguyên đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

4. Bị đơn có yêu cầu phản tố phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đối với phần yêu cầu phản tố không được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đối với phần yêu cầu phản tố của bị đơn được Tòa án chấp nhận.

5. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đối với phần yêu cầu độc lập không được Tòa án chấp nhận. Người có nghĩa vụ đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo phần yêu cầu độc lập được Tòa án chấp nhận.

## **Điều 27. Thủ tục nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ**

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ, Tòa án xác định số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thông báo cho người yêu cầu biết để đến Tòa án nộp tiền tạm ứng; thông báo phải nêu rõ số tiền, thời hạn và phương thức nộp tiền.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều này, người yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ phải nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

## **Điều 28. Thanh toán chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ**

1. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, Tòa án thông báo cho người yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

2. Trường hợp số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ chưa đủ chi phí thực tế thì trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án, người yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ phải nộp tiếp tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

## **Chương IV**

### **CHI PHÍ GIÁM ĐỊNH**

## **Điều 29. Xác định chi phí giám định**

1. Chi phí giám định bao gồm một hoặc một số chi phí sau đây:

a) Chi phí tiền lương, thù lao cho người thực hiện giám định;

b) Chi phí vật tư tiêu hao;

c) Chi phí sử dụng dịch vụ;

d) Chi phí khấu hao máy móc, phương tiện, thiết bị;

đ) Chi phí bảo quản, vận chuyển đối tượng giám định;

e) Các chi phí cần thiết cho cá nhân thực hiện giám định tham gia tổ tụng gồm chi phí đi lại, chi phí lưu trú.

g) Chi phí khác theo quy định của pháp luật và chi phí cần thiết khác phát sinh do thực hiện hoạt động mà pháp luật quy định.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

## **Điều 30. Trách nhiệm, nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí giám định trong tố tụng hình sự, tố tụng dân sự, tố tụng hành chính**

1. Trách nhiệm nộp tiền tạm ứng chi phí giám định trong tố tụng hình sự

Cơ quan tiến hành tố tụng ra quyết định trưng cầu giám định có trách nhiệm nộp tiền tạm ứng chi phí giám định.

2. Nghĩa vụ nộp tạm ứng chi phí giám định trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính

a) Đương sự có yêu cầu được Tòa án chấp nhận ra quyết định trưng cầu giám định có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí giám định, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc được miễn nộp tiền tạm ứng chi phí giám định theo quy định tại Điều 5 của Pháp lệnh này.

b) Nguyên đơn, người yêu cầu giải quyết việc dân sự, người khởi kiện, người kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí giám định trong trường hợp Tòa án xét thấy cần thiết và quyết định trưng cầu giám định, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc được miễn nộp tiền tạm ứng chi phí giám định theo quy định tại Điều 5 của Pháp lệnh này.

### **Điều 31. Trách nhiệm, nghĩa vụ chi trả chi phí giám định trong tố tụng hình sự, tố tụng dân sự, tố tụng hành chính**

1. Trách nhiệm chi trả chi phí giám định trong tố tụng hình sự

a) Cơ quan tiến hành tố tụng ra văn bản yêu cầu giám định có trách nhiệm chi trả chi phí giám định. Trường hợp vụ án được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại, nếu Tòa án tuyên bố bị cáo không có tội hoặc vụ án bị đình chỉ theo quy định tại khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Tố tụng hình sự thì cơ quan tiến hành tố tụng không phải chịu chi phí giám định; người bị hại yêu cầu khởi tố phải hoàn trả cho cơ quan tiến hành tố tụng chi phí giám định đã nộp.

b) Cơ quan tiến hành tố tụng triệu tập người giám định tham gia tố tụng có trách nhiệm chi trả.

c) Trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng nhận được tin báo, tố giác tội phạm và ra văn bản yêu cầu giám định nhưng sau đó không có căn cứ khởi tố vụ án hình sự thì cơ quan tiến hành tố tụng đó có trách nhiệm chi trả chi phí giám định.

2. Nghĩa vụ chịu chi phí giám định trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính

a) Việc xác định người có nghĩa vụ chịu chi phí giám định trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính được thực hiện theo quy định tại Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 362 của Luật Tố tụng hành chính.

b) Trường hợp Tòa án xét thấy cần thiết và quyết định trưng cầu giám định theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, nếu kết quả giám định không có giá trị cho việc giải quyết vụ án thì Tòa án phải chịu chi phí giám định; nếu kết quả giám định có giá trị cho việc giải quyết vụ án thì bên đương sự thua kiện phải chịu chi phí giám định.

### **Điều 32. Chi phí giám định trong việc xem xét, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính**

1. Cơ quan trung cầu giám định trong quá trình Tòa án xem xét, quyết định việc đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc có trách nhiệm nộp tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định.

2. Cơ quan trung cầu giám định trong quá trình Tòa án xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính có trách nhiệm nộp tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định.

### **Điều 33. Chi phí giám định trong trường hợp người yêu cầu giám định tự mình yêu cầu giám định**

Người đã đề nghị cơ quan tiến hành tố tụng trong vụ án hình sự, vụ án dân sự, vụ án hành chính mà không được chấp nhận và tự mình yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện giám định thì có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân thực hiện giám định.

### **Điều 34. Thủ tục nộp tạm ứng chi phí giám định**

1. Thủ tục nộp tạm ứng chi phí giám định trong tố tụng hình sự

a) Tổ chức, cá nhân thực hiện giám định xác định và thông báo cho cơ quan tiến hành tố tụng ra văn bản yêu cầu giám định về mức tiền tạm ứng, thời gian nộp tiền tạm ứng chi phí giám định.

b) Cơ quan tiến hành tố tụng ra văn bản yêu cầu giám định có trách nhiệm nộp tiền tạm ứng chi phí giám định theo thông báo của tổ chức, cá nhân thực hiện giám định.

2. Thủ tục nộp tiền tạm ứng chi phí giám định trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định trung cầu giám định của Tòa án, tổ chức, cá nhân thực hiện giám định phải thông báo cho Tòa án biết về số tiền tạm ứng chi phí giám định.

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của tổ chức, cá nhân thực hiện giám định, Tòa án có trách nhiệm thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí giám định cho người yêu cầu giám định.

c) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án theo quy định tại điểm b khoản này hoặc trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định không chấp nhận đề nghị miễn, giảm tiền tạm ứng chi phí giám định hoặc quyết định giảm tiền tạm ứng chi phí giám định, người yêu cầu Tòa án trung cầu giám định phải đến Tòa án nộp tiền tạm ứng chi phí giám định, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

d) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày thu tiền tạm ứng chi phí giám định, Tòa án phải chuyển số tiền đó cho tổ chức, cá nhân thực hiện giám định. Tổ chức, cá nhân thực hiện giám định phải cấp hóa đơn hoặc biên nhận tiền tạm ứng chi phí giám định cho Tòa án.

đ) Hết thời hạn quy định tại điểm c khoản này mà người yêu cầu Tòa án trung cầu giám định không nộp tiền tạm ứng chi phí giám định thì Tòa án thông

báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện giám định về việc người yêu cầu giám định không nộp tiền tạm ứng chi phí giám định. Trường hợp này, tổ chức, cá nhân thực hiện giám định có quyền từ chối thực hiện giám định.

3. Thủ tục nộp tiền tạm ứng chi phí giám định khi trưng cầu giám định trong việc xem xét, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định trưng cầu giám định của cơ quan trưng cầu giám định, tổ chức, cá nhân thực hiện giám định phải thông báo cho cơ quan trưng cầu giám định biết về mức tiền tạm ứng, thời gian nộp tiền tạm ứng chi phí giám định.

b) Cơ quan trưng cầu giám định có trách nhiệm nộp tiền tạm ứng chi phí giám định theo thông báo của tổ chức, cá nhân thực hiện giám định.

### **Điều 35. Thanh toán chi phí giám định**

1. Sau khi có kết quả giám định, tổ chức, cá nhân đã thực hiện giám định thông báo cho cơ quan trưng cầu giám định, người yêu cầu giám định về chi phí giám định. Thông báo về chi phí giám định phải nêu rõ cụ thể từng loại chi phí, tổng số tiền chi phí, số tiền chi phí mà cơ quan trưng cầu giám định, người yêu cầu giám định phải nộp thêm do tạm ứng chi phí chưa đủ hoặc được trả lại do tạm ứng chi phí thừa so với chi phí giám định thực tế phải trả (nếu có).

2. Thanh toán chi phí giám định trong tố tụng hình sự

a) Cơ quan tiến hành tố tụng ra văn bản yêu cầu giám định có trách nhiệm thanh toán chi phí giám định theo mức, thời hạn, phương thức mà tổ chức, cá nhân đã thực hiện giám định thông báo.

b) Trường hợp vụ án được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại, nếu Tòa án tuyên bố bị cáo không có tội hoặc vụ án bị đình chỉ theo quy định tại khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Tố tụng hình sự thì cơ quan tiến hành tố tụng thể hiện rõ trong bản án, quyết định đình chỉ vụ án về trách nhiệm của bị hại phải hoàn trả cho cơ quan tiến hành tố tụng chi phí giám định mà cơ quan tiến hành tố tụng đã nộp cho tổ chức, cá nhân thực hiện giám định.

c) Người đã đề nghị cơ quan tiến hành tố tụng mà không được chấp nhận và tự mình yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện giám định, nếu kết quả giám định không có giá trị cho việc giải quyết vụ án thì phải chịu chi phí giám định; nếu kết quả giám định có giá trị cho việc giải quyết vụ án thì cơ quan tiến hành tố tụng đã từ chối trưng cầu giám định phải hoàn trả chi phí giám định mà người yêu cầu giám định đã nộp cho tổ chức, cá nhân thực hiện giám định.

d) Tòa án thanh toán các chi phí cần thiết cho tổ chức, cá nhân thực hiện giám định tham gia tố tụng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 29 của Pháp lệnh này khi nhận được đầy đủ hóa đơn, chứng từ của tổ chức, cá nhân thực hiện giám định.

3. Thanh toán chi phí giám định trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính

a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo, Tòa án giải quyết vụ việc dân sự, vụ án hành chính có trách nhiệm thông báo cho người yêu cầu giám định biết để đến Tòa án nộp chi phí giám định. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án, người yêu cầu giám định phải nộp chi phí giám định, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

b) Người yêu cầu giám định đã thanh toán chi phí giám định mà không có nghĩa vụ nộp chi phí giám định theo quy định tại Điều 24, Điều 26 của Pháp lệnh này được hoàn trả số chi phí giám định đã nộp.

c) Người yêu cầu giám định được miễn, giảm tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định thì cơ quan tiến hành tố tụng đã trưng cầu giám định có trách nhiệm thanh toán số tiền đã miễn, giảm đó cho tổ chức, cá nhân thực hiện giám định.

d) Tòa án căn cứ vào quy định tại điểm b, c khoản này quyết định nghĩa vụ nộp chi phí giám định, miễn, giảm chi phí giám định, hoàn trả chi phí giám định của các bên đương sự trong bản án, quyết định.

đ) Tòa án thanh toán các chi phí cần thiết cho tổ chức, cá nhân thực hiện giám định tham gia tố tụng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 29 của Pháp lệnh này khi nhận được đầy đủ hóa đơn, chứng từ của tổ chức, cá nhân thực hiện giám định.

4. Cơ quan trưng cầu giám định trong việc xem xét, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính có trách nhiệm thanh toán chi phí giám định theo mức, thời hạn, phương thức mà tổ chức, cá nhân đã thực hiện giám định thông báo.

### **Điều 36. Chi phí giám định bổ sung, giám định lại**

1. Chi phí giám định bổ sung, giám định lại trong tố tụng hình sự

Cơ quan tiến hành tố tụng ra văn bản yêu cầu giám định bổ sung, giám định lại thì phải nộp tiền tạm ứng và chi trả chi phí giám định theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 1 Điều 31 của Pháp lệnh này.

2. Chi phí giám định bổ sung, giám định lại trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính

a) Đương sự trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính có yêu cầu giám định bổ sung, giám định lại được Tòa án chấp nhận ra quyết định trưng cầu giám định có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí giám định và chịu chi phí giám định được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 30 và khoản 2 Điều 31 của Pháp lệnh này.

b) Trường hợp xét thấy cần thiết, Tòa án ra quyết định trưng cầu giám định bổ sung, giám định lại thì người có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí giám định và chi trả chi phí giám định được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 30 và khoản 2 Điều 31 của Pháp lệnh này.

3. Trình tự, thủ tục nộp tạm ứng chi phí giám định, thanh toán chi phí giám định và xử lý chi phí giám định đối với giám định bổ sung, giám định lại được thực hiện theo quy định tại Điều 34 và Điều 35 của Pháp lệnh này.

## **Chương V**

### **CHI PHÍ ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN**

#### **Điều 37. Xác định chi phí định giá tài sản**

1. Căn cứ tính chất của đối tượng định giá, chi phí định giá tài sản bao gồm một hoặc một số chi phí sau đây:

- a) Chi phí tiền lương, thù lao cho người thực hiện định giá;
- b) Chi phí thu thập, phân tích thông tin về đối tượng cần định giá;
- c) Chi phí vật tư tiêu hao;
- d) Chi phí sử dụng dịch vụ;
- đ) Các chi phí khác theo quy định của pháp luật.

2. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.

#### **Điều 38. Trách nhiệm, nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản**

1. Trong tố tụng hình sự, cơ quan tiến hành tố tụng ra văn bản yêu cầu định giá tài sản có trách nhiệm nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản cho Hội đồng định giá.

2. Trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, Tòa án ra quyết định định giá tài sản không phải nộp tiền tạm ứng chi phí định giá. Người có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản được xác định theo quy định tại Điều 164 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 365 của Luật Tố tụng hành chính.

#### **Điều 39. Trách nhiệm chi trả, nghĩa vụ chịu chi phí định giá tài sản**

1. Trong tố tụng hình sự, cơ quan tiến hành tố tụng ra văn bản yêu cầu định giá tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 38 của Pháp lệnh này có trách nhiệm chi trả chi phí định giá tài sản.

2. Trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, nghĩa vụ chịu chi phí định giá tài sản được xác định theo quy định tại Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 366 của Luật Tố tụng hành chính.

#### **Điều 40. Thủ tục nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản**

1. Thủ tục nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản trong tố tụng hình sự

a) Hội đồng định giá xác định và thông báo cho cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu định giá tài sản về mức tiền tạm ứng, thời gian nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản.

b) Cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu định giá tài sản có trách nhiệm nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản theo thông báo của Hội đồng định giá.

2. Thủ tục nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày được thành lập hoặc nhận được quyết định yêu cầu định giá của Tòa án, Hội đồng định giá, tổ chức thẩm

định giá tài sản phải thông báo cho Tòa án và người có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng biết để đến Tòa án nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản; thông báo phải nêu rõ số tiền, thời hạn và phương thức nộp tiền.

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Hội đồng định giá, tổ chức thẩm định giá tài sản, Tòa án có trách nhiệm thông báo cho người có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng biết để đến Tòa án nộp tiền tạm ứng chi phí định giá.

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều này, người có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng phải nộp tiền tạm ứng chi phí định giá, trừ trường hợp các bên đương sự có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

d) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày thu tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản, Tòa án phải chuyển số tiền đó cho Hội đồng định giá, tổ chức thẩm định giá tài sản.

Hội đồng định giá, tổ chức thẩm định giá tài sản có quyền từ chối thực hiện việc định giá tài sản khi nhận được thông báo của Tòa án về việc người yêu cầu, người có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng không nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản.

#### **Điều 41. Thanh toán chi phí định giá tài sản**

1. Sau khi có kết quả định giá, Hội đồng định giá, tổ chức thẩm định giá tài sản thông báo cho cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu định giá, Tòa án, người có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng về chi phí định giá tài sản.

2. Trong tố tụng hình sự, cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu định giá có trách nhiệm thanh toán chi phí định giá theo mức, thời hạn, phương thức mà Hội đồng định giá thông báo.

3. Trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo, Tòa án thông báo cho người có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng về chi phí định giá tài sản. Trường hợp số tiền tạm ứng chi phí định giá chưa đủ chi phí thực tế thì trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án, người có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng phải nộp tiếp tiền chi phí định giá, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Trường hợp số tiền tạm ứng chi phí định giá đã nộp nhiều hơn chi phí định giá thực tế thì họ được trả lại phần tiền còn thừa.

#### **Điều 42. Chi phí định giá lại**

1. Trong tố tụng hình sự, cơ quan tiến hành tố tụng ra văn bản yêu cầu định giá lại thì phải nộp tiền tạm ứng và chi trả chi phí định giá theo quy định tại khoản 1 Điều 38 và khoản 1 Điều 39 của Pháp lệnh này.

2. Trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, đương sự có yêu cầu định giá lại được Tòa án chấp nhận ra quyết định định giá tài sản có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí định giá và chi trả chi phí định giá. Trường hợp Tòa án quyết định việc định giá lại thì nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng, nghĩa vụ chịu chi phí định giá tài

sản được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 38, khoản 2 Điều 39 của Pháp lệnh này.

3. Trình tự, thủ tục nộp tạm ứng chi phí định giá, thanh toán chi phí định giá đối với định giá lại được thực hiện theo quy định tại Chương này.

## **Chương VI**

### **CHI PHÍ CHO NGƯỜI LÀM CHỨNG**

#### **Điều 43. Mức chi phí cho người làm chứng**

1. Căn cứ vào từng trường hợp cụ thể, chi phí cho người làm chứng do cơ quan tiến hành tố tụng triệu tập bao gồm một hoặc một số chi phí sau đây:

- a) Chi phí tiền lương, thù lao cho người làm chứng;
- b) Chi phí đi lại;
- c) Chi phí lưu trú;
- d) Các chi phí khác theo quy định của pháp luật.

2. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.

#### **Điều 44. Mức tiền tạm ứng chi phí cho người làm chứng**

Mức tiền tạm ứng chi phí cho người làm chứng được tính bằng mức chi phí cho người làm chứng xác định theo quy định tại Điều 43 của Pháp lệnh này.

#### **Điều 45. Thủ tục nộp tiền tạm ứng chi trả chi phí cho người làm chứng**

1. Trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, người yêu cầu Tòa án triệu tập người làm chứng có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí cho người làm chứng. Người yêu cầu có nghĩa vụ cung cấp thông tin về số người làm chứng, nơi làm việc, nơi cư trú của họ và các thông tin cần thiết khác làm cơ sở để Tòa án xác định mức tiền tạm ứng chi phí cho người làm chứng.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của đương sự triệu tập người làm chứng, Tòa án thông báo cho người có yêu cầu đến Tòa án để nộp tiền tạm ứng chi phí cho người làm chứng, trong thông báo phải nêu rõ số tiền, thời gian nộp tiền.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án, người yêu cầu Tòa án triệu tập người làm chứng phải nộp tiền tạm ứng chi phí cho người làm chứng.

#### **Điều 46. Trách nhiệm, nghĩa vụ chi trả, nộp chi phí cho người làm chứng**

1. Cơ quan tiến hành tố tụng triệu tập người làm chứng có trách nhiệm chi trả chi phí cho người làm chứng. Chi phí cho người làm chứng được lấy từ kinh phí hoạt động hằng năm của cơ quan tiến hành tố tụng.

2. Việc xác định người có nghĩa vụ nộp chi phí cho người làm chứng được thực hiện theo quy định tại Điều 167 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 368 của Luật Tố tụng hành chính.

3. Tòa án phải quyết định nghĩa vụ nộp chi phí cho người làm chứng, hoàn trả lại chi phí cho các bên đương sự trong bản án, quyết định.

#### **Điều 47. Thanh toán chi phí cho người làm chứng**

1. Ngay sau khi kết thúc công việc làm chứng được triệu tập tại phiên tòa, phiên họp giải quyết vụ án hình sự, vụ án hành chính, vụ việc dân sự, người làm chứng gửi Hồ sơ đề nghị thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều này tới cơ quan tiến hành tố tụng để làm thủ tục thanh toán.

2. Hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí cho người làm chứng bao gồm:

a) Giấy đề nghị thanh toán chi phí cho người làm chứng có các nội dung chính sau: Tên, địa chỉ, mã số thuế của người đề nghị thanh toán chi phí người làm chứng; số tiền đề nghị thanh toán và phương thức thanh toán.

b) Tài liệu kèm theo Giấy đề nghị thanh toán chi phí cho người làm chứng là bản chính các hóa đơn, chứng từ hợp pháp có liên quan để chứng minh các khoản chi phí thực tế hợp lý đã phát sinh mà người làm chứng đã chi trả khi đến làm chứng.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp nhận Hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí cho người làm chứng, Cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp của hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này và thực hiện chi trả chi phí cho người làm chứng theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp số tiền tạm ứng chi phí đã nộp chưa đủ thì người có nghĩa vụ nộp tiền chi phí cho người làm chứng phải nộp thêm phần tiền còn thiếu đó; nếu số tiền tạm ứng đã nộp vượt quá chi phí cho người làm chứng thì được trả lại phần tiền chênh lệch. Người đã nộp tiền tạm ứng chi phí cho người làm chứng không có nghĩa vụ phải trả theo quy định tại Điều 46 của Pháp lệnh này thì được hoàn trả số tiền đã nộp.

### **Chương VII**

#### **CHI PHÍ CHO NGƯỜI PHIÊN DỊCH, NGƯỜI DỊCH THUẬT**

##### **Điều 48. Chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật**

1. Chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật là số tiền cần thiết và hợp lý phải chi trả cho người phiên dịch, người dịch thuật do cơ quan tiến hành tố tụng xác định căn cứ vào quy định của Pháp lệnh này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Người biết chữ của người khuyết tật nhìn hoặc biết nghe, nói bằng ngôn ngữ, ký hiệu của người khuyết tật nghe, nói cũng được coi là người phiên dịch, người dịch thuật.

**Điều 49. Trách nhiệm, nghĩa vụ thanh toán chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật**

1. Cơ quan tiến hành tố tụng triệu tập người phiên dịch, người dịch thuật có trách nhiệm thanh toán chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật. Chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật được lấy từ kinh phí hoạt động hằng năm của cơ quan tiến hành tố tụng.

2. Người yêu cầu Tòa án triệu tập người phiên dịch, người dịch thuật có nghĩa vụ thanh toán chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

**Điều 50. Mức chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật**

1. Căn cứ vào từng trường hợp cụ thể, chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật bao gồm một hoặc một số chi phí sau đây:

- a) Chi phí tiền công cho người phiên dịch, người dịch thuật;
- b) Chi phí đi lại;
- c) Chi phí lưu trú;
- d) Các chi phí khác theo quy định của pháp luật.

2. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.

**Điều 51. Mức tiền tạm ứng chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật**

Mức tiền tạm ứng chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật được tính bằng mức chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật xác định theo quy định tại Điều 50 của Pháp lệnh này.

**Điều 52. Thanh toán chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật**

Việc thanh toán chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật được thực hiện theo quy định tại Điều 47 của Pháp lệnh này.

**Chương VIII**

**CHI PHÍ CHO NGƯỜI CHỨNG KIẾN**

**Điều 53. Cơ quan có trách nhiệm chi trả chi phí cho người chứng kiến**

Cơ quan tiến hành tố tụng triệu tập người chứng kiến có trách nhiệm chi trả chi phí cho người chứng kiến. Chi phí cho người chứng kiến được lấy từ kinh phí hoạt động hằng năm của cơ quan tiến hành tố tụng.

**Điều 54. Mức chi phí cho người chứng kiến**

1. Căn cứ vào từng trường hợp cụ thể, chi phí cho người chứng kiến do cơ quan tiến hành tố tụng triệu tập bao gồm một hoặc một số chi phí sau đây:

- a) Chi phí tiền lương, thù lao cho người chứng kiến;
- b) Chi phí đi lại;
- c) Chi phí lưu trú;

d) Các chi phí khác theo quy định của pháp luật.

2. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.

### **Điều 55. Thanh toán chi phí cho người chứng kiến**

Việc thanh toán chi phí cho người chứng kiến được thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 47 của Pháp lệnh này.

## **CHƯƠNG IX**

### **CHI PHÍ CHO LUẬT SƯ, TRỢ GIÚP VIÊN PHÁP LÝ, BÀO CHỮA VIÊN NHÂN DÂN**

#### **Mục 1**

#### **CHI PHÍ CHO LUẬT SƯ, TRỢ GIÚP VIÊN PHÁP LÝ, BÀO CHỮA VIÊN NHÂN DÂN TRONG TRƯỜNG HỢP CHỈ ĐỊNH NGƯỜI BÀO CHỮA**

**Điều 56. Trách nhiệm chi trả chi phí cho luật sư, trợ giúp viên pháp lý, bào chữa viên nhân dân trong trường hợp chỉ định người bào chữa<sup>[C10]</sup>**

1. Cơ quan tiến hành tố tụng<sup>[C11]</sup> chỉ định người bào chữa có trách nhiệm trả chi phí cho người bào chữa là luật sư do Đoàn luật sư phân công. Chi phí này được lấy từ kinh phí hoạt động hằng năm của cơ quan tiến hành tố tụng.

2. Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước<sup>[C12]</sup> có trách nhiệm chi trả chi phí cho người bào chữa là trợ giúp viên pháp lý, luật sư bào chữa trong trường hợp Trung tâm này cử người bào chữa. Chi phí này được lấy từ kinh phí hoạt động của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có trách nhiệm chi trả chi phí cho người bào chữa là bào chữa viên nhân dân. Chi phí này được lấy từ kinh phí hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

**Điều 57. Xác định chi phí cho luật sư, trợ giúp viên pháp lý, bào chữa viên nhân dân trong trường hợp chỉ định người bào chữa<sup>[C13]</sup>**

1. Chi phí cho người bào chữa là luật sư, trợ giúp viên pháp lý được xác định theo quy định của pháp luật luật sư và pháp luật trợ giúp pháp lý.

2. Chi phí cho bào chữa viên nhân dân được xác định theo quy định của pháp luật trợ giúp pháp lý.

**Điều 58. Thanh toán chi phí cho luật sư, trợ giúp viên pháp lý, bào chữa viên nhân dân trong trường hợp chỉ định người bào chữa<sup>[C14]</sup>**

1. Trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng chỉ định người bào chữa thì sau khi kết thúc từng giai đoạn trong tố tụng<sup>[C15]</sup>, người bào chữa gửi đề nghị thanh toán chi phí cho cơ quan tiến hành tố tụng.

2. Trường hợp Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước cử người bào chữa thì sau khi kết thúc công việc bào chữa, người bào chữa gửi đề nghị thanh toán chi phí cho Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước.

3. Hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí cho luật sư, trợ giúp viên pháp lý, bào chữa viên nhân dân được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Pháp lệnh này.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đề nghị thanh toán, cơ quan tiến hành tố tụng đã chỉ định người bào chữa, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước đã cử người bào chữa có trách nhiệm chi trả cho người bào chữa.<sup>[C16]</sup>

## Mục 2

### **CHI PHÍ CHO LUẬT SƯ, TRỢ GIÚP VIÊN PHÁP LÝ TRONG THỦ TỤC XEM XÉT, QUYẾT ĐỊNH VIỆC ĐƯA NGƯỜI NGHIÊN MA TÚY TỪ ĐỦ 12 TUỔI ĐẾN DƯỚI 18 TUỔI VÀO CƠ SỞ CAI NGHIỆN BẮT BUỘC, ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN**

#### **Điều 59. Trách nhiệm chi trả chi phí cho Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý**

1. Tòa án yêu cầu Đoàn luật sư phân công tổ chức hành nghề luật sư cử luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính là người chưa thành niên mà không có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp (người bị đề nghị) có trách nhiệm trả chi phí cho Luật sư. Chi phí cho Luật sư trong trường hợp này được lấy từ kinh phí hoạt động hằng năm của Tòa án.

2. Trường hợp Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước cử người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị đề nghị thì do Trung tâm này chi trả. Chi phí cho Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý trong trường hợp này được lấy từ kinh phí hoạt động của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước.

#### **Điều 60. Xác định chi phí cho Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý**

Chi phí cho luật sư, trợ giúp viên pháp lý được xác định theo quy định của pháp luật luật sư và pháp luật trợ giúp pháp lý.

#### **Điều 61. Thanh toán chi phí cho Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý**

1. Trường hợp Tòa án yêu cầu Đoàn luật sư phân công tổ chức hành nghề luật sư cử luật sư thì sau khi kết thúc việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị đề nghị, luật sư gửi đề nghị thanh toán chi phí cho Tòa án.

2. Trường hợp Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước cử người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp thì sau khi kết thúc việc trợ giúp pháp lý, Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý gửi đề nghị thanh toán chi phí cho Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đề nghị thanh toán, Tòa án, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước có trách nhiệm chi trả.<sup>[C17]</sup>

## Chương X

### **CHI PHÍ CHO HỘI THẨM NHÂN DÂN**

#### **Điều 62. Chi phí cho Hội thẩm** <sup>[C18]</sup>

Chi phí cho Hội thẩm nhân dân bao gồm một hoặc một số chi phí sau đây:

1. Phụ cấp xét xử;
2. Chi phí đi lại;
3. Chi phí lưu trú;
4. Các chi phí khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 63. Phụ cấp xét xử**

1. Phụ cấp xét xử của Hội thẩm nhân dân tính theo thời gian thực tế tham gia phiên tòa và ngày làm việc nghiên cứu hồ sơ.

2. Mức phụ cấp xét xử cho thời gian tham gia phiên tòa và ngày làm việc nghiên cứu hồ sơ của Hội thẩm nhân dân bằng 200%<sup>[C19]</sup><sup>[C20]</sup> mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, tính theo ngày lương do Nhà nước quy định.

3. Thời gian tham gia phiên tòa, thời gian làm việc nghiên cứu hồ sơ của Hội thẩm được Tòa án, Thẩm phán trực tiếp giải quyết vụ án xác nhận.

## **Chương XI**

### **CHI PHÍ TỔ TỤNG KHÁC**

#### **Mục 1**

#### **CHI PHÍ SAO CHỤP TÀI LIỆU**

**Điều 64. Chi phí sao chụp tài liệu liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội trong tố tụng hình sự**

*Phương án 1: Nhà nước chịu chi phí sao chụp tài liệu*

1. Trong tố tụng hình sự, trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng phải sao chụp tài liệu cung cấp cho bị can để đảm bảo thực hiện quyền của bị can được đọc, ghi chép bản sao tài liệu liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội quy định tại điểm i khoản 2 Điều 60 Bộ luật Tố tụng hình sự thì chi phí sao chụp tài liệu là 1.500 đồng/trang A4.

2. Nhà nước bảo đảm kinh phí đối với chi phí sao chụp tài liệu liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội mà cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện để cung cấp cho bị can. Chi phí này được lấy từ kinh phí hoạt động hằng năm của cơ quan tiến hành tố tụng.

*Phương án 2: Bị can có yêu cầu chịu chi phí sao chụp tài liệu*

Trong vụ án hình sự, trường hợp bị can có yêu cầu được đọc, ghi chép bản sao tài liệu liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội quy định tại điểm i khoản 2 Điều 60 Bộ luật Tố tụng hình sự thì bị can phải chịu chi phí sao chụp tài liệu là 1.500 đồng/trang A4.

**Điều 65. Chi phí sao chụp hồ sơ trong việc xem xét, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính**

1. Trường hợp Viện kiểm sát nhân dân có yêu cầu Tòa án sao chụp hồ sơ việc xem xét, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính thì chi phí sao chụp là 1.500đ/trang A4.

2. Chi phí sao chụp hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này do Nhà nước bảo đảm. Chi phí này được lấy từ kinh phí hoạt động hằng năm của Tòa án nhân dân.

## **Mục 2**

### **CHI PHÍ CHO NGƯỜI ĐẠI DIỆN DO TÒA ÁN CHỈ ĐỊNH TRONG TỔ TỤNG DÂN SỰ, TỔ TỤNG HÀNH CHÍNH**

**Điều 66. Trách nhiệm chi trả chi phí cho người đại diện do Tòa án chỉ định**

Tòa án chỉ định người đại diện theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm c khoản 2 Điều 60 luật Tố tụng hành chính có trách nhiệm chi trả chi phí cho người đại diện. Chi phí cho người đại diện do Tòa án chỉ định được lấy từ kinh phí hoạt động hằng năm của Tòa án nhân dân.

**Điều 67. Xác định và thanh toán chi phí cho người đại diện do Tòa án chỉ định**

Việc xác định và thanh toán chi phí cho người đại diện do Tòa án chỉ định được thực hiện theo quy định tại Điều 43 và các khoản 1, 2, 3 Điều 47 của Pháp lệnh này.

## **Mục 3**

### **CHI PHÍ THÔNG BÁO TRÊN PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN ĐẠI CHÚNG TRONG TỔ TỤNG DÂN SỰ, TỔ TỤNG HÀNH CHÍNH**

**Điều 68. Nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng**

1. Đương sự yêu cầu Tòa án thực hiện thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng thì phải nộp tiền tạm ứng chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

2. Trường hợp Tòa án thực hiện thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng khi có căn cứ xác định việc niêm yết công khai không đảm bảo cho người được cấp, tổng đạt, thông báo nhận được thông tin về văn bản cần được cấp, tổng đạt, thông báo thì:

Phương án 1: Nguyên đơn phải nộp tiền tạm ứng chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

Phương án 2: Tòa án phải nộp tiền tạm ứng chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

## **Điều 69. Nghĩa vụ chịu chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng**

1. Đương sự yêu cầu Tòa án thực hiện thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng thì có nghĩa vụ chịu chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

2. Trường hợp Tòa án thực hiện thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng khi có căn cứ xác định việc niêm yết công khai không đảm bảo cho người được cấp, tổng đạt, thông báo nhận được thông tin về văn bản cần được cấp, tổng đạt, thông báo thì:

*Phương án 1:* Nguyên đơn phải chịu chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

*Phương án 2:* Tòa án thực hiện thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng có nghĩa vụ chịu chi phí. Chi phí này được lấy từ kinh phí hoạt động hằng năm của Tòa án nhân dân.

## **Điều 70. Mức chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng**

Mức chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng do cơ quan, đơn vị báo chí, phát thanh, truyền hình cung cấp dịch vụ thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng xác định theo quy định pháp luật và thông báo cho Tòa án yêu cầu.

## **Điều 71. Thủ tục nộp tiền tạm ứng chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng**

*Phương án 1:* Người yêu cầu hoặc nguyên đơn phải nộp tiền tạm ứng

1. Tòa án xác định số tiền tạm ứng chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và thông báo cho người yêu cầu hoặc nguyên đơn biết để đến Tòa án nộp tiền tạm ứng; thông báo phải nêu rõ số tiền, thời hạn và phương thức nộp tiền.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều này, người yêu cầu hoặc nguyên đơn phải nộp tiền tạm ứng chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng cho Tòa án.

*Phương án 2:* Tòa án phải nộp tiền tạm ứng

Tòa án xác định số tiền tạm ứng chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và nộp tiền tạm ứng.

## **Điều 72. Thanh toán chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng**

1. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày thu tiền tạm ứng, Tòa án thực hiện thanh toán chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng cho cơ quan, đơn vị báo chí, đài phát thanh, truyền hình cung cấp dịch vụ thông báo

trên phương tiện thông tin đại chúng. Việc thanh toán phải có hóa đơn, chứng từ theo quy định pháp luật.

2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hóa đơn, chứng từ thanh toán, Tòa án thông báo cho người yêu cầu hoặc nguyên đơn về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Trường hợp số tiền tạm ứng chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đã nộp nhiều hơn chi phí thực tế thì người có nghĩa vụ nộp được trả lại phần tiền còn thừa.

#### **Mục 4**

### **CHI PHÍ TỔNG ĐẠT RA NƯỚC NGOÀI VĂN BẢN TỔ TỤNG CỦA TÒA ÁN VIỆT NAM ĐỐI VỚI YÊU CẦU CÔNG NHẬN VÀ CHO THI HÀNH HOẶC KHÔNG CÔNG NHẬN TẠI VIỆT NAM BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH DÂN SỰ CỦA TÒA ÁN NƯỚC NGOÀI; CÔNG NHẬN VÀ CHO THI HÀNH PHÁN QUYẾT CỦA TRỌNG TÀI NƯỚC NGOÀI<sup>[PTH21]</sup>**

#### **Điều 73. Nghĩa vụ nộp chi phí**

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu thuộc một trong các trường hợp sau đây thì phải chịu chi phí tổng đạt ra nước ngoài văn bản tố tụng của Tòa án Việt Nam:<sup>[T22]</sup>

1. Yêu cầu Tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài, cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài;
2. Yêu cầu Tòa án Việt Nam không công nhận bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài, cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài;
3. Yêu cầu Tòa án Việt Nam không công nhận bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài, cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài không có yêu cầu thi hành tại Việt Nam;
4. Yêu cầu Tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết của Trọng tài nước ngoài;
5. Kháng cáo quyết định của Tòa án đối với yêu cầu quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 của Điều này, nếu yêu cầu kháng cáo của họ không được chấp nhận.

#### **Điều 74. Các phương thức tổng đạt<sup>[T23]</sup>**

Tòa án thực hiện việc tổng đạt ra nước ngoài văn bản tố tụng của Tòa án theo một trong các phương thức sau đây:

1. Ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo pháp luật tương trợ tư pháp;
2. Thông qua cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài;
3. Theo đường dịch vụ bưu chính đến địa chỉ của đương sự đang cư trú ở nước ngoài với điều kiện pháp luật nước đó đồng ý với phương thức tổng đạt này.

#### **Điều 75. Thu, nộp chi phí**

1. Đối với việc tổng đạt ra nước ngoài văn bản tố tụng của Tòa án theo phương thức quy định tại khoản 1 Điều 74 của Pháp lệnh này thì việc thu, nộp chi phí được thực hiện theo pháp luật tương trợ tư pháp.

2. Đối với việc tổng đạt ra nước ngoài văn bản tố tụng của Tòa án theo phương thức quy định tại khoản 2 Điều 74 của Pháp lệnh này thì việc thu nộp chi phí được thực hiện theo quy định tại Điều 21 của Pháp lệnh này.

3. Đối với việc tổng đạt ra nước ngoài văn bản tố tụng của Tòa án theo phương thức quy định tại khoản 3 Điều 74 của Pháp lệnh này thì người có nghĩa vụ nộp chi phí thanh toán trực tiếp cho người cung cấp dịch vụ [VỤ<sub>[PTH24]</sub>], trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Nhà nước bảo đảm kinh phí để Tòa án thực hiện việc tổng đạt ra nước ngoài văn bản tố tụng của Tòa án theo phương thức quy định tại khoản 3 Điều 74 của Pháp lệnh này trong trường hợp đương sự ở nước ngoài không có người đại diện hợp pháp tại Việt Nam, không có chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam hoặc đương sự này không ủy quyền cho người đại diện hợp pháp tại Việt Nam, chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam nhận văn bản tố tụng. Khi Tòa án ra quyết định giải quyết yêu cầu thì phải quyết định việc đương sự chịu chi phí này để hoàn trả cho ngân sách Nhà nước [NƯỚC<sub>[PTH25]</sub>].

## Chương XII

### KINH PHÍ THANH TOÁN CHI PHÍ TỔ TỤNG

#### Điều 76. Nguồn kinh phí chi trả [C26]

1. Kinh phí thanh toán chi phí tố tụng mà cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm chi trả theo quy định của Pháp lệnh này được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo dự toán hằng năm của cơ quan đó.

2. Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí chi trả phần chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định đối với trường hợp đương sự được miễn, giảm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định theo quy định của Pháp lệnh này.

3. Kinh phí để chi trả chi phí cho Hội thẩm được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

#### Điều 77. Lập dự toán kinh phí và phân bổ kinh phí chi trả [C27]

Hằng năm, căn cứ chi phí tố tụng thực tế đã chi của năm trước, cơ quan tiến hành tố tụng phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp lập dự toán kinh phí thanh toán để tổng hợp vào dự toán ngân sách cấp mình, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và được phân bổ cho cơ quan tiến hành tố tụng để thực hiện việc chi trả.

## Chương XIII

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 78. Hiệu lực thi hành**

Pháp lệnh này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024.

Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13 ngày 28 tháng 3 năm 2012 hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Pháp lệnh này có hiệu lực thi hành.

**Điều 79. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành**

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Pháp lệnh; hướng dẫn những nội dung cần thiết khác của Pháp lệnh này để đáp ứng yêu cầu quản lý Nhà nước.

---

*Pháp lệnh này được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, phiên họp chuyên đề pháp luật tháng 8 thông qua ngày tháng năm 2023.*

**TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI  
CHỦ TỊCH**

**Vương Đình Huệ**